TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50/2024/QĐST-HNGĐ	*Lấp Vò, ngày 02 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 105/2024/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết P, sinh năm 2000; Địa chỉ: Số I, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số B, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Tuyết P và anh Lê Văn Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết P và anh Lê Văn Đ tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị Tuyết P và anh Lê Văn Đ thống nhất không có con chung.

2.3. Về chia tài sản: Chị Trần Thị Tuyết P và anh Lê Văn Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Tuyết P và anh Lê Văn Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết P tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007315, ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Chị P được nhận lại tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã B;
(GCNKH số 104 ngày ĐK 17/8/2023)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(Đã ký)

Trần Hiến Cương